

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC SINH THI LẠI NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn	Toán	KHTN			LS & ĐL		Tiếng Anh	GD&ĐT/ GD&ĐT&PL	Công nghệ	Ghi chú
					Lí	Hóa	Sinh	Sử	Địa				
1	Nguyễn Hoàng Hào	6A1								5.0		5.25	
2	Lý Diễm My	6A1		5.75	7.25					5.25		5.0	
3	Võ Hoàng Nguyên	6A1		4.25	6.0					6.75		5.0	
4	Nguyễn Văn Nguyễn	6A1	5.0	5.0	5.5					6.0		6.25	
5	Lê Duy Thái	6A1								9.0		5.75	
6	Nguyễn Trâm Anh	6A2		5.75									
7	Nguyễn Thị Khánh Băng	6A2	5.0								5.25	5.75	
8	Dương Quốc Dinh	6A2	5.0					5.25					
9	Đặng Hoàng Khang	6A2	3.5	5.0	3.75						3.0	5.25	
10	Nguyễn Thảo My	6A2									5.0	5.25	
11	Nguyễn Trọng Phúc	6A2	5.0		6.5							5.0	
12	Ngô Văn Vẹn	6A2	5.5		6.25			5.25					
13	Lý Lê Hưng	6A3		5.25				10					
14	Phạm Hoàng Long	6A3	2.5	5.25	5.5						3.5		
15	Đoàn Trọng Nguyễn	6A3	3.5	5.0	7.0			6.75		0.75		6.75	
16	Lê Trọng Tín	6A3	5.0	5.25				5.0		4.0	5.25	7.75	
17	Nguyễn Khánh Anh	6A4			7.75								
18	Lê Tản Khánh	6A4		4.5	3.0							8.0	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn	Toán	KHTN			LS & ĐL		Tiếng Anh	GDCD/ GDKT&PL	Công nghệ	Ghi chú
					Lí	Hóa	Sinh	Sử	Địa				
19	Phạm Thành Lộc	6A4			4.5			2.0					
20	Hồ Vũ Luân	6A4	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi			Bỏ thi					
21	Nguyễn Bé Trâm	6A4		8.0									
22	Nguyễn Vũ Linh	6A5		6.0	5.5			6.75			2.5		
23	Nguyễn Minh Tài	6A5		5.0	8.5								
24	Huỳnh Loan Thảo	6A5	5.0		6.75								
25	Nguyễn Thanh Thy	6A5	5.5					9.5			5.0		
26	Nguyễn Minh Phú	6A6										7.75	
27	Đặng Thành Đạt	7A1								9.0		7.75	
28	Võ Quốc Hào	7A1		6.5				5.75					
29	Lê Hoàng Khôi	7A1	5.0	5.75								6.75	
30	Nguyễn Chí Nguyên	7A1										9.5	
31	Giang Minh Phú	7A1		5.5				9.0				7.0	
32	Nguyễn Đức Tài	7A1	7.0		2.0			4.25				8.25	
33	Võ Bảo Trân	7A2		5.75	5.25							7.0	
34	Trần Gia Bảo	7A3	6.0		4.5							5.75	
35	Trương Quốc Hưng	7A3	5.0		3.0							6.0	
36	Hồ Thị Như Huỳnh	7A3	Bỏ thi		Bỏ thi					Bỏ thi			
37	Đoàn Chí Nhân	7A3	Bỏ thi		Bỏ thi					Bỏ thi			
38	Nguyễn Anh Như	7A3		7.5	5.0								
39	Phạm Minh Phú	7A3			5.25								

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn	Toán	KHTN			LS & ĐL		Tiếng Anh	GD&ĐT/ GD&ĐT&PL	Công nghệ	Ghi chú
					Lí	Hóa	Sinh	Sử	Địa				
40	Nguyễn Trọng Phúc	7A3						6.25				6.5	
41	Hồ Chí Tính	7A3	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi					Bỏ thi		Bỏ thi	
42	Hứa Bảo Anh	7A4	Bỏ thi	Bỏ thi				Bỏ thi					
43	Lâm Quốc Khang	7A4	Bỏ thi									Bỏ thi	
44	Hồ Duy Khánh	7A4	5.0	6.0				8.25				6.0	
45	Trần Quốc Khánh	7A4						10					
46	Hứa Diễm Hằng	8A2	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi							
47	Huỳnh Văn Hiếu	8A2				5.3							
48	Lê Đình Khôi	8A2	5.5				5.5		6.25				
49	Lê Nguyễn Kha	8A3				6.0							
50	Huỳnh Trung Lĩnh	8A3	6.0		5.75	4.8	3.0		5.25	3.5			
51	Huỳnh Minh Thiện	8A3	6.0		6.5	4.8	4.75		6.5	4.15			
52	Huỳnh Khắc Trung	8A3							8.25	5.85			
53	Cao Minh Kha	8A4				5.5							
54	Nguyễn Hoàng Lâm	8A4				5.3						6.0	
55	Nguyễn Lâm Thái	8A4				6.0							
56	Lâm Quốc Duy	10T1	6.0	6.0	7.0			6.5		9.25			
57	Đỗ Trương Nguyễn	10T1		4.0	5.0								
58	Hồ Hoàng Phúc	10T1		6.25									
59	Lê Trọng Tình	10T1		2.75	5.0								
60	Nguyễn Phát Đạt	10T3	5.25	3.75						2.25			

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn	Toán	KHTN			LS & ĐL		Tiếng Anh	GD&ĐT/ GD&ĐT&PL	Công nghệ	Ghi chú
					Lí	Hóa	Sinh	Sử	Địa				
61	Đặng Minh Kha	10T3										7.4	
62	Ngô Thị Huỳnh Như	10X1		5.5							3.5		
63	Nguyễn Khánh Thu	10X1									5.75		
64	Nguyễn Trường Vinh	10X1		5.0									
65	Phạm Phúc Lộc	10X2		5.0									
66	Nguyễn Thanh Mai	10X2		5.75							6.0		
67	Đông Văn Biễn	10X3	5.0										
68	Lư Nhật Đăng	10X3								2.25			
69	Trần Huỳnh Xuân Hào	10X3	5.0	6.0						5.75			
70	Nguyễn Chí Hên	10X3	2.5	5.25									
71	Cao Quốc Vương	10X3	3.75	6.25									
72	Phan Trần Vy	10X3	5.25							5.0			
73	Nguyễn Hoài An	10X4						7.3					
74	Huỳnh Nhật Anh	10X4					5.75						
75	Trương Hữu Bằng	10X4		5.75			3.0			4.0			
76	Lê Thị Mỹ Diên	10X4								5.0			
77	Huỳnh Chí Đại	10X4					3.25	3.8					
78	Lê Dương Đây	10X4											
79	Trần Lê Nhật Huy	10X4					5.0						
80	Đỗ Thị Chúc Huỳnh	10X4					7.0						
81	Hồng Gia Lạc	10X4					7.75						

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn	Toán	KHTN			LS & ĐL		Tiếng Anh	GD&ĐT/ GD&ĐT&PL	Công nghệ	Ghi chú
					Lí	Hóa	Sinh	Sử	Địa				
82	Lê Thị Lụa	10X4											
83	Phạm Thành Phát	10X4						5.0		3.5			
84	Trần Trọng Phúc	10X4	3.5				5.25	6.5		4.75	5.25		
85	Lê Hồ Anh Thư	10X4								4.25			
86	Hữu Thị Ngọc Trinh	10X4					7.75	7.0			8.5		
87	Lê Minh Trọng	10X4								4.25			
88	Huỳnh Hồng Trúc	10X4					5.75	7.5					
89	Phạm Ánh Dương	10X5	2.0				5.75	4.0	5.25		5.75	5.75	
90	Trần Hoàng Duy	10X5	4.5				4.0				6.75	5.0	
91	Nguyễn Thị Hân	10X5		5.75			2.75	3.8			6.75		
92	Trần Nhựt Linh	10X5		5.25			2.75	5.0					
93	Ngô Hoàng Lộc	10X5	4.0					5.0					
94	Đỗ Thành Nghiệp	10X5					5.5	7.8					
95	Chung Văn Phú	10X5		5.0			1.0						
96	Hồ Hoàng Thuận	10X5		5.5							6.25		
97	Nguyễn Minh Trí	11T3	6.25							4.25			
98	Lê Tấn Beo	11X1						8.5					
99	Quách Nhân Hậu	11X1								6.0			
100	Nguyễn Tấn Khôi	11X1								4.5			
101	Lê Hiếu Lên	11X1						7.8					
102	Phan Hoàng Phúc	11X1						7.8					

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn	Toán	KHTN			LS & ĐL		Tiếng Anh	GD&ĐT/ GD&ĐT&PL	Công nghệ	Ghi chú
					Lí	Hóa	Sinh	Sử	Địa				
103	Phạm Hoàng Trương	11X1								6.75			
104	Trần Nhật Duy	11X2	6.0										
105	Nguyễn Hoàng Thái	11X2	6.0										
106	Lê Vũ Trường	11X2		6.75									
107	Phạm Khải Đăng	11X3	5.75					5.0					
108	Trần Hải Đăng	11X3	5.0					5.3		5.75			
109	Lư Chí Hiếu	11X3								4.75			
110	Đinh Gia Bảo	11X4								5.75			
111	Trần Công Hậu	11X4								4.5			
112	Trịnh Minh Khai	11X4								5.0			
113	Trần Huỳnh Như	11X4	5.75										
114	Nguyễn Tiến Tới	11X4								3.75			

Tổng số có: 114 học sinh đăng ký thi lại (Dự thi: 107 HS; Bỏ thi: 07 HS)

Tân Lộc, ngày 08 tháng 6 năm 2023

Người đọc điểm

Phạm Kan Yên

Người ráp phách

Nguyễn Hải Thiên

Người ghi điểm

Nguyễn Mộng Hằng

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Dũng